**Câu hỏi thi trắc nghiệm**

**Check lại câu 48,57,68,74,78,80**

1. Các mô tả sau về khớp hông đều sai TRỪ:

A. Là một khớp phẳng nối xương đùi với xương chậu

B. Diện tiếp khớp là : chỏm xương đùi, ổ cối, sụn viền ổ cối.

C. Diện tiếp khớp là: chỏm xương đùi, ổ cối, sụn chêm.

D.Sụn chêm nằm vắt ngang qua khuyết ổ cối gọi là day chằng ngang.

2.Các mô tả sau về bao khớp hông đều sai TRỪ: nó là một màng xơ

A.Về phía xương chậu nó bám vào gai chậu trước trend

B.Về phía xương đùi: phía trước nó bám vào 2/3 trong cổ xương đùi

C.Về phía xương đùi : phía sau nó bám vào gờ gian mấu

D.Về phía xương đùi : phía trước nó bám vào đường liên mấu

3.Các mô tả sau về dây chằng của khớp hông đều sai TRỪ :

A.Dây chằng chậu đùi : đi từ gai chậu trước dưới tới đường gian mấu

B.Dây chăng mu- đùi : đầu trên bám vào ngành lên xương mu, đầu dưới bám vào mấu chuyển lớn.

C.Dây chằng ngồi- đùi di từ xương ngồi đến mấu chuyển bé

D.Dây chằng chỏm –đùi bao gồm 4 bó

4.Các mô tả sau về khớp gối đều sai TRỪ

A.Là một khớp chỏm điển hình

B. Có 2 sụn chêm là sụn chêm trong và sụn chêm ngoài và một sụn viền

C. Sụn chêm trong hình chữ O

D.Sụn chêm ngoài hình chữ O

5. Các mô tả sau về hệ thống dây chằng của khớp gối đều sai TRỪ

A . Có 3 hệ thống

B. Có 4 hệ thống

C. Có 5 hệ thống

D. Có 6 hệ thống

6.Các mô tả sau về cơ mông lớn đều sai TRỪ

A. Nguyên ủy bám vào mặt sau ngoài cánh chậu, mặt sau xương cùng, dây chằng cùng-củ

B. Bám tận vào mấu chuyển lớn

C. Động tác là khép và dạng đùi

D. Thần kinh chi phối là thần kinh ngồi

7.Các mô tả sau về cơ may đều sai TRỪ

A. Là cơ lớn nhất của cơ thể

B. Nguyên ủy bám vào gai chậu trước dưới

C.Thần kinh chi phối là nhánh của thần kinh đùi

D. Động tác là duỗi đùi

8.Các mô tả sau về cơ chày trước đều sai TRỪ

A. Nguyên ủy: ở 2/3 ngoài xương mác và màng gian cốt

B.Bám tận vào nền xương đốt bàn chân 1

C. Thần kinh chi phối là nhánh của thần kinh mác nông

D. Động tác là gấp bàn chân

9.Các mô tả sau về số lượng cơ của khu đùi sau đều sai TRỪ :

A. 3 cơ

B. 4 cơ

C. 5 cơ

D. Thần kinh chi phối cho các cơ đùi sau là thần kinh mông dưới

10.Các mô tả sau về các cơ của khu cẳng chân sau đều sai TRỪ ::

A . Được xếp làm 2 lớp

B. Được xếp làm 3 lớp.

C. Thần kinh chi phối các cơ này là thần kinh hiển

D. Thần kinh chi phối các cơ này là thần kinh đùi.

11. Các mô tả sau về cấp máu cho chi dưới đều sai TRỪ :

A. Từ động mạch chậu trong:là động mạch bịt, động mạch mông trên, động mạch mông dưới

B . Từ động mạch chậu ngoài: cấp máu cho toàn bộ khu đùi sau.

C.Từ động mạch chậu trong : cấp máu cho khu đùi sau

D. Từ động mạch châu ngoài cấp máu cho vùng mông.

12.Các mô tả sau về động mạch mông trên đều sai TRỪ :

A. Là ngành lớn nhất thuộc thân sau của động mạch chậu trong.

B. Đi giữa thân thắt lưng cùng và dây thần kinh cùng I của đám rối thần kinh cùng qua khuyết ngồi lớn ở dươi cơ hình quả lê ra vùng mông

C. Đi giữa thân thắt lưng cùng và dây thần kinh cùng I của đám rối thần kinh cùng qua khuyết ngồi bé ở dươí cơ hình quả lê ra vùng mông

D. Đi giữa thân thắt lưng cùng và dây thần kinh cùng I của đám rối thần kinh cùng qua khuyết ngồi bé ở trên cơ hình quả lê ra vùng mông

13.Các mô tả sau về động mạch mông dưới đều sai TRỪ :

A. Là một trong những nhánh cùng của động mạch châu ngoài.

B. Đi giữa nghành trước của dây thần kinh cùng I và II , qua khuyết ngồi lớn ở trên cơ quả lê ra vùng mông.

C. Đi giữa nghành trước của dây thần kinh cùng I và II , qua khuyết ngồi lớn ở dưới cơ quả lê ra vùng mông.

D. Ở mông động mạch nằm trong bó mạch thần kinh thẹn

14.Các mô tả sau về động mạch động mạch đùi đều sai TRỪ :

A. Tiếp theo động mạch mông dưới từ bờ dưới cơ hình quả lê

B. Tiếp theo động mạch chậu ngoài bắt đầu từ phía sau điểm giữa dây chằng bẹn

C. Ở trong tam giác đùi : thần kinh đùi nằm giữa, động mạch đùi nằm ngoài, tĩnh mạch đùi nằm trong.

D. . Ở trong tam giác đùi : tĩnh mạch đùi nằm giữa, động mạch đùi nằm ngoài, thần kinh đùi đùi nằm trong.

15. Các mô tả sau về động mạch đùi đều sai TRỪ :

A. Ở trong ống cơ khép bắt chéo sau tình mạch.

B. Ở trong ống cơ khép bắt chéo trước tình mạch.

C. Cơ thẳng đùi là cơ tùy hành của động mạch

D.Đường định hướng : từ điểm giữa dây chằng bẹn đến giữa nếp gấp khoeo.

16. Các ngành bên động mạch động mạch đùi sâu đều sai TRỪ:

A. Động mạch thượng vị nông

B. Động mạch mũ chậu nông

C. Động mạch mũ chậu sâu.

D. Động mạch mũ đùi ngoài.

17. Các mô tả sau về động mạch động mạch khoeo đều sai TRỪ :

A. Tiếp theo động mạch đùi sâu

B. Nằm ngoài nhất, nông nhất so với tĩnh mạch và thần kinh chầy

C. Nằm sâu nhất, trong nhất so với tĩnh mạch và thần kinh chầy

D. Có một trong những nhánh bên là động mach gối xuống.

18.Các mô tả sau về động mạch động mạch chày trước đều sai TRỪ .

A. Là một trong hai nhánh tận của động mạch khoeo bắt đầu từ lỗ gân cơ khép

B. Là một trong hai nhánh tận của động mạch khoeo bắt đầu từ bờ dưới cơ khoeo

C. Động mạch quặt ngược chày sau không phải là nhánh bên của nó

D. Nó không có nhánh bên là động mạch mắt cá trước trong.

19..Các mô tả sau về động mạch chày sau đều sai TRỪ :

A. Đi xuống khu cẳng chân sau theo một đường từ giữa nếp gấp khoeo đến mắt cá trong

B. Ở cẳng chân sau thần kinh chầy nằm trong động mạch.

C. Động mạch mũ mác không phải là nhánh bên của nó.

D. Động mạch mác là một trong những nhánh bên của nó.

20. Các mô tả sau về tĩnh mạch chi dưới sau đều sai TRỪ :

A. Tĩnh mạch hiển lớn đổ vào tĩnh mạch khoeo.

B. Tĩnh mạch hiển bé đổ vào tĩnh mạch đùi

C. Tĩnh mạch hiển bé không có van

D. Cả tĩnh mạch hiển lớn và bé đều có van.

21.Các mô tả sau về cấu tạo của đám rối thần kinh thắt lưng đều sai TRỪ ::

A. Tạo bởi các nghành sau của 4 dây sống thắt lưng I, II, II, IV. Các ngành này lại chia ra các nhánh trước và sau.

B. Các nhánh trước tạo thành các dây thần kinh chậu hạ vị, thần kinh chậu bẹn, thần kinh đùi bì ngoài, thần kinh đùi

C. Các nhánh trước tạo thành thần kinh sinh dục đùi, thần kinh bịt.

D. Ngành trước của thần kinh thắt lưng IV chập với nghành sau của thần kinh thắt lưng V tạo thành thân thắt lưng cùng.

22. Các mô tả sau về dây thần kinh chậu hạ vị đều sai TRỪ :

A. Nguyên ủy: nhánh trước của ngành trước thần kinh thắt lưng I

B. Nhánh tận bì ngoài cảm giác cho da vùng mũ- chậu

C. Nhánh tận bì trước cảm giác cho da vùng tam giác đùi

D. Một nhánh tận vận động cho cơ lược

23.Các mô tả sau về dây thần kinh đùi đều sai TRỪ:

A. Hợp bởi các nhánh sau của nghành trước tách từ các dây thần kinh thắt lưng II,III, IV

B. Đi trước dây chằng bẹn để xuống đùi

C. Cho ra các nhánh cơ vận động cho các cơ khép đùi

D. Có nhánh bì trước mang cảm giác cho mặt ngoài đùi

24.Các mô tả sau về cảm giác cho da mặt trong cẳng chân và mặt trong của da gót đều sai TRỪ:

A. Thần kinh bì bắp chân ngoài

B. Thần kinh mác nông

C.Thần kinh hiển

D. Thần kinh mác sâu

25.Các mô tả sau về đám rối thần kinh cùng đều sai TRỪ:

A. Có cấu tạo bới thân thắt lưng cùng và nghành sau các dây cùng I,II,III, IV

B.Có cấu tạo bới thân thắt lưng cùng và nghành trước các dây cùng I,II,III, IV

C. Thần kinh mông trên không thuộc đám rối thần kinh cùng

D. Thần kinh thẹn không thuộc đám rối cùng.

26..Các mô tả sau về thần kinh đùi bì sau đều sai TRỪ:

A. Từ trong chậu hông qua khuyết ngồi lớn ở bờ trên cơ quả lê ra vùng mông.

B. Ở mông nằm giữa cơ mông lớn và các cơ chậu hông mấu chuyển

C. Cho các nhánh vậ động các cơ mông

D. Cho các nhánh cảm giác cho da vùng đùi trong

27.Các mô tả sau về thần kinh thần kinh ngồi đều sai TRỪ:

A. Do 2 dây thần kinh mác nông và mác sâu hợp thành.

B.Ở mông nằm trước các cơ chậu hông- mấu chuyển và sau cơ mông lớn

C.Ở khu đùi sau nằm sau cơ khép lớn, trước các cơ ngồi cẳng

D. Tới đỉnh trám khoeo chia thành dây thần kinh mác nông và mác sâu

28.Các mô tả sau về thần kinh thần kinh mác chung đều sai TRỪ:

A. Từ đỉnh trám khoeo chạy chếch ra ngoài, dọc theo bờ trong gân cơ bán gân tới đầu trên xương mác , vòng quanh cổ xương mác chia làm 2 nhánh tận

B. Ở khoeo nó cho ra thần kinh bì bắp chân trong

C. Ở khoeo nó cho ra thần kinh bì bắp chân ngoài

C. Nó là một dây thần kinh vận động đơn thuần

29.Các mô tả sau về thần kinh chầy đều sai TRỪ:

A. Tach ra từ thần kinh đùi

B. Cho ra nhánh bên bì bắp chân trong

C. Cho các nhánh vận động cơ khu cẳng chân trước

D. Cho các nhánh vận động cơ khu cẳng chân ngoài

30. Nhũng mô tả sau về xương đùi là đúng TRỪ:

A. Goc cổ-thân của xương đùi la một góc > 145 độ

B.Hai mấu chuyển nối với nhau bằng đường gian mấu ở trước và mào gian mấu ở sau.

C. Mấu chuyển lớn có một hố ở mặt trong.

D. Chỏm xương đùi có một hõm ở gần đỉnh chỏm

31.Nhũng mô tả sau về xương chày là đúng TRỪ:

A. Tiếp khớp với xương mác bằng một khớp sợi và một khớp hoạt dịch

B. Có một lối củ ở đầu trên cho dây chằng bánh che bám.

C.Có một đường gờ chếch ở mạt sau thân xương cho cơ dép bám.

D. Mặt trước trong của nó kéo dài xuống dưới thành mắt cá trong.

32.Nhũng mô tả sau về cơ thắt lưng chậu là đúng TRỪ::

A.Có nguyên ủy bám vào các đôt sống thắt lưng và bám tận vào xương chậu

B. Có tác dụng gấp đùi vào thân

C. Có liên quan mật thiết với thần kinh đùi

D. Là cơ gấp đùi mạnh nhất

33. Các cơ sau đây đều trực tiếp góp phần giữ vững khớp gối TRỪ:

A. Cơ dép

B. Cơ tứ đầu

C. Cơ may

D. Cơ nhị đầu đùi

34. Các cơ sau trực tiếp tạo nên thành của ống cơ khép TRỪ:

A.Cơ may.

B.Cơ thon.

C.Cơ khép dài.

D. Cơ khép lớn

35.Ống cơ khép chứa các thành phần sau TRỪ:

A. ĐM đùi

B.TM đùi

C.TK hiển.TM hiển lớn

36.Những mô tả sau đây về thần kinh ngồi đều đúng TRỪ

A.Chỉ vận động các cơ ở cẳng chân và bàn chân

B.Là dây thần kinh hỗn hợp ( vận động và cảm giác)

C.Ở đùi nó chạy sau các cơ ngồi-cẳng

D. Thường tận cùng ở đỉnh tám khoeo

37.Các mô tả sau về động mạch đùi đều đúng TRỪ:

A. Có thể sờ thấy mạch đập ở tam giác đùi

B.Nàm giữa thần kinh đùi và tĩnh mạch đùi khi đi qua tam giác đùi

C. Bắt chéo trước tĩnh mạch đùi ở ống cơ khép

D.Cấp máu cho các cơ khu đùi sau.

38.Các mô tả sau về động mạch mông trên và dưới đều đúng TRỪ:

A. Đều là nhánh của của động mạch chậu trong

B.Đều di cùng một thần kinh cùng tên

C. Đều đi qua khuyết ngồi lớn ở bờ trên cơ quả lê

D.Đều cấp máu cho cơ mông lớn

39..Các mô tả sau về động mạch chày trước đều đúng TRỪ:

A.Có đường định hướng từ hõm đầu trên xương mác đến giữa 2 mát cá

B. Chui qua mạc giữ các gân duỗi đổi tên thành động mạch mu chân

C. Có toàn bộ chiều dài nằm ở khu cẳng chân trước

D. Có ngành bên lớn nhất là động mạch mác.

40.Các mô tả sau về tĩnh mạch hiển lớn đều đúng TRỪ:

A. Là tĩnh mạch nông dài nhất cơ thể

B.Chạy qua mạc sàng và lỗ tĩnh mạch hiển trước khi đổ vào tĩnh mạch đùi

D.Không tiếp nối với tĩnh mạch hiển bé và các tĩnh mạch sâu

41.Các mô tả sau về xương vai đều sai TRỪ:

A. Tiếp khớp với xương cánh tay và cột sống

B.Có 2 bờ và 3 góc

C.Tiếp khớp với xương đòn qua mỏm cùng vai

D.Có khuyết quạ ở ngoài mỏm quạ

42.Các mô tả sau về đầu gần xương cánh tay đều sai TRỪ:

A. Có một chỏm ngăn cách với phần còn lại của đầu gần bằng cổ phẫu thuật

B.Nối với thân xương bằng cổ giải phẫu

C. Các củ lớn và bé ngăn cách nhau bằng rãnh gian củ

D.Khớp với xương vai bằng một khớp bản lề

43.Các mô tả sau về đầu xa xương cánh tay đều sai TRỪ:

A.Có một hố duy nhất là hố vẹt

B.Có 2 mỏm có thể sờ thây ngay dưới da là mỏm trên lồi cầu trong và ngoài

C.Tiếp khớp với xương quay tại ròng rọc và với xương trụ tại chỏm con

D.Là nơi bám tận của các cơ khu cánh tay trước

44.Các mô tả sau về xương quay đều sai TRỪ:

A. Là một xương dài mà đầu gần to hơn đầu xa

B.Tiếp khớp với xương trụ bằng một hõm khớp ở mặt trên chỏm xương quay

C.Có một lồi củ cho cơ nhị đầu cánh tay bám

D. Có một cổ là nơi thắt hẹp giữa đầu xa và thân xương

45. Các mô tả sau về xương trụ đều sai TRỪ:

A.Gồm 2 dầu và một thân xương hình trụ

B.Có 2 khuyết ở đầu trên là khuyết ròng rọc và khuyết quay

C.Có một mỏm xương( mổm châm trụ) ở thấp hơn mỏm châm quay

D.Tiếp khớp với đầu xa xương quay ở mổm vẹt

45. Các mô tả sau về các cơ ở bàn tay đều sai TRỪ:

A. Các cơ gian cốt mu tay giúp gấp các khớp đốt bàn tay-đốt ngón tay và duỗi các khớp gian đốt ngón

B.Cơ khép ngón cái được chi phối bởi thần king giữa

C. Các cơ gian cốt gan tay làm dạng các ngón tay

D.Các cơ giun có nguyên ủy bám vào gân gấp nông các ngón

46.Các mô tả sau về cơ ngực bé đều sai TRỪ:

A.Được bọc bởi mạc đòn-ngực

B.Có tác dụng nâng vai

C.Tạo nên thành sau của nách

D.Đầu nguyên ủy bám vào mỏm quạ

47. Các mô tả sau về mạc hãm các gân gấp cổ tay đều sai TRỪ

A.Nằm sâu hơn thần kinh trụ và nông hơn thần kinh giữa

B.Nằm nông hơn thần kinh trụ và nông sâu hơn thần kinh giữa

C.Nằm sâu hơn các thần kinh trụ và giữa

D.Nằm nông hơn các thần kinh trụ và giữa

48.Các mô tả sau về động mạch quay đều sai TRỪ:

A.Ở 1/3 trên cẳng tay nó chạy chếch ở trước ( trên) cơ sấp tròn

B. Đi qua ống cổ tay

C.Đi cùng thần kinh gian cốt sau ở cẳng tay

D.Là nguồn máu chính của cung động mạch gan tay nông

49.Các động mach sau là nhánh bên của động mạch cánh tay đều sai TRỪ:

A.Động mạch quặt ngược quay

B.Động mạch quặt ngược trụ

C.Động mạch bên trụ trên

D.Động mũ cánh tay sau

49.Các mô tả sau về động mạch nách đều sai TRỪ:

A.Đi giữa cơ ngực lớn và cơ ngực bé

B.Được 2 tĩnh mạch nách đi kèm

C.Nối động mạch dưới đòn với động mạch cánh tay

D.Tận cùng ngang mức bờ dưới cơ ngực bé

50.Các mô tả sau về đám rối thần kinh cánh tay đều sai TRỪ:

A.Chỉ chứa các sợi thần kinh có nguồn gốc từ rễ trước các thần kinh sống

B. Mỗi thân được tạo nên bởi các sợi bắt nguồn từ trên một nhánh trước thần kinh sống

C.Chỉ chứa các sợi thần kinh bắt nguồn từ các nhánh( nghành) trước các thần kinh sống

D.Tất cả các thân trực tiếp tách ra các nhánh cơ

51.Các mô tả sau về thần kinh trụ đều sai TRỪ:

A.Chạy dọc bên trong ( liên quan với) 3 động mạch lớn của chi trên

B.Vận động cơ gấp cổ tay trụ và cơ duỗi cổ tay trụ

C.Chạy sát động mạch trụ từ nguyên ủy tới tận cùng

D.Chỉ chứa các sợi vận động

52.Các mô tả sau về thần kinh quay đều sai TRỪ:

A.Đi qua tam giac cánh tay tam đầu cùng với động mạch bên trụ trên

B.Đi qua rãnh giữa mỏm khuỷu và mỏm trên lồi cầu trong

C.Vận động toàn bộ các cơ ở mặt sau cánh tay và cẳng tay

D. Đi qua máng nhị đầu ngoài cùng động mạch quay

53.Các mô tả sau về thần kinh cơ bì đều sai TRỪ:

A. Phát sinh từ thân trên của đám rối thần kinh cánh tay

B. Vận động cho các cơ gấp cẳng tay

C.Cảm giác cho da vùng giữa mặt trước cẳng tay

D.Tận cùng bằng 1 nhánh cảm giác cho gan tay

54.Các mô tả sau về thần kinh nách đều sai TRỪ:

A.Là nhánh tận của bó ngoài đám rối thần kinh cánh tay

B.Là thần kinh vừa vận động vừa cảm giác

C. Vận động cho cơ delta và cơ trên gai

D.Đi qua lỗ tứ giác cùng động mach vai dưới

55.Các mô tả sau về thần kinh bì cẳng tay trong đều sai TRỪ:

A.Chỉ cảm giác cho da mặt trong cẳng tay

B.Bắt chéo trước động mạch cánh tay trên đường đi xuống

C.Là nhánh bên của thần kinh trụ

D.Tách ra từ bó trong của đám rối thần kinh cánh tay

56.Các mô tả sau về thần kinh giữa đều sai TRỪ:

A.Bắt chéo sau động mạch cánh tay

B.Vận động cho tất cả các cơ gấp cổ tay

C.Cảm giác cho hầu hết da gan bàn tay và gan các ngón tay

D.Là nhánh tận của bó sau đám rối thần kinh cánh tay

57.Các động mach sau là nhánh bên của động mạch dưới đòn đều sai TRỪ:

A.Động mạch ngực trong

B.Động mạch trên vai

C.Động mach sườn cổ

D. Động mạch lưng vai

58.Các mô tả sau về các cơ của chi trên đều sai TRỪ:

A. Tất cả các cơ nội tại của ô mô cái bám tận vào nền đốt gần

B. Không có cơ khép ngón út

C.Các gân cơ gấp các ngón sâu đều bám vào đốt giữa các ngón tay

D. Các gân cơ gấp các ngón tay nông đều bám vào đốt xa các ngón tay

59.Các mô tả sau về khớp vai đều đúng TRỪ:

A.Là một khớp chỏm cầu( chỏm và ổ)

B.Là một khớp hoạt dịch

C.Là một khớp soan( elip)

D.Là một khớp nhiều trục

60.Các mô tả sau về về mỏm trên lồi cầu trong xương cánh tay đều đúng TRỪ:

A.Là chỗ bám của cho nhiều cơ gấp cổ tay

B.Lồi hơn mỏm trên lồi cầu ngoài

C.Ở gần tĩnh mạch nền hơn tĩnh mach đầu

D.Là điểm mà ở đó động mach cánh tay chia thành động mạch quay và động mạch trụ

61..Các mô tả sau về động mạch trụ đều đúng TRỪ:

A.Là một trong 2 nhánh tận của động mạch cánh tay

B.Chạy qua cẳng tay trước theo 2 đoạn : chếch và thẳng

C.Tiếp nối rộng rãi với động mạch quay ở cổ tay và gan tay

D.Được cơ gấp cổ tay trụ tùy hành trên suốt đường đi

62.Các mô tả sau về cung động mạch gan tay nông đều đúng TRỪ:

A.Do nhánh tận độngmạch quay và nhánh tận của động mạch trụ tạo nên

B.Nằm dưới(sau) cân gan tay, trên( trước) các gân gấp nông các ngón tay

C.Nối tiếp với cung động mạch gan tay sâu

D.Phân nhánh đi vaò 7 bờ các ngón tay

63.Các động mạch sau tham gia vào vòng nối quanh vai đều đúng TRỪ:

A.Động mạch lưng vai( vai sau)

B.Động mạch ngực-cùng vai

C.Động mạch bên trụ trên

D. Động mạch dưới vai

64.Các mô tả sau về thần kinh nách đều đúng TRỪ:

A.Tách ra từ bó sau của đám rối thần kinh cánh tay

B.Nằm sát sau trong cổ phẫu thuật xương cánh tay

C.Chi phối cơ delta và cơ tròn lớn

D. Có thể bị tổn thương khi chỏm xương cánh tay trật xuống dưới

65.Hội chứng ống cổ tay chèn ép các cấu trúc sau TRỪ:

A.Thần kinh trụ

B. Thần kinh giũa

C.Gân cơ gấp các ngón các ngón nông

D.Gân cơ gấp các ngón các ngón sâu

66.Tổn thương thần kinh giữa các cơ sau có thể bị liệt TRỪ:

A.Cơ gấp các ngón nông

B.Cơ đối chiếu ngón cái

C. Cơ sấp tròn

D.Hai cơ giun bên trong

67.Các động mạch sau không đi qua hõm lào giải phẫu TRỪ:

A. Động mạch gan đốt bàn tay

B.Động mạch gian cốt trước

C.Động mạch quay

D. Động mạch trụ

68.Các động mạch sau không được tách ra từ động mạch gian cốt quặt ngược TRỪ:

A.Động mạch gian cốt sau

B.Động mạch quay

C. Động mạch trụ

D. Động mạch gian cốt trước

69.Các thần kinh sau không đi qua lỗ tứ giác TRỪ:

A.Thần kinh nách

B. Thần kinh giữa

C. Thần kinh quay

D. Thần kinh trụ

70.Các thần kinh sau không đi kèm động mạch cánh tay sâu dọc một phần đường đi của nó TRỪ

A.Thần kinh nách

B. Thần kinh giữa

C. Thần kinh quay

D. Thần kinh trụ

71. Cơ nào có thể gấp cẳng tay , được chi phối bởi thần kinh quay:

A.Cơ tròn nhỏ

B.Cơ lưng rộng

C.Cơ nhị đầu cánh tay

D. Cơ cánh tay quay

72.Các thần kinh sau trên đường đi của nó không nằm trong bao cơ gấp nông các ngón tay TRỪ:

A.Thần kinh nách

B. Thần kinh giữa

C. Thần kinh quay

D. Thần kinh trụ

73Các thần kinh sau không chi phối các cơ dạng hoặc khép các ngón tay TRỪ:

A.Thần kinh nách

B. Thần kinh giữa

C. Thần kinh quay

D. Thần kinh trụ

74.Các cơ sau có nguyên ủy không bám vào bờ ngoài của các gân của một cơ khác TRỪ:

A.Các cơ gian cốt

B.Các cơ giun

C.Cơ gấp các ngón tay sâu

D.Cơ gấp các ngón tay nông

75.Các xương sau không có chỗ bám tận của cơ nhị đầu cánh tay TRỪ:

A xương trụ

B. Xương xánh tay.

C Xương quay

D. Xương vai

76.Nếu các sợi thần kinh trong các rễ C5 và C6 của đám rối thần kinh cánh tay bị tổn thương( Lietj Erb-Dchenne) gây liệt các cơ sau TRỪ:

A.Cơ nhị đầu cánh tay và cơ cánh tay

B.Cơ gấp cổ tay trụ

C.Cơ cánh tay-quay

D.Cơ quạ -cánh tay

77.Cấu trúc làm gấp các khớp gian đốt xa các ngón tay được chi phối bởi thần kinh trụ và giữa LÀ:

A.Các cơ giun

B. Cơ gấp các ngón tay nông

C.Cơ gấp các ngón tay sâu

D.Cơ duỗi các ngón tay

78.Không ngửa được cẳng tay có thể là hậu quả tổn thương thần kinh:

A Cơ bì và giũa

B.Nách và quay

C.Quay và cơ bì

D. Giữa và trụ

79.Cử động dạng của các ngón tay 2,3,4 bị mất có thể là hậu quả tổn thương thần kinh :

A.Trụ

B.giữa

C.quay

D.cơ bì

80.Tổn thương thần kinh ngực lưng sẽ có thể ảnh hưởng đến các cử động:

A. dạng cánh tay

B.xoay ngoài cánh tay

C.Duỗi cánh tay

D. Nâng xương vai

81.Một bệnh nhân than phiền là mất cảm giác ở các mặt trước và sau của một phần 3 trong bàn tay và và một ngón tay rưỡi phía trong là do tổn thương:

A.Thần kinh quay

B. Thần kinh giữa:

C. Thần kinh trụ

D. Thần kinh cơ bì

82.Các cơ dạng cánh tay bị liệt là do tổn thương thần kinh:

A.Thần kinh trên vai và thần kinh nách

B. Thần kinh quay và thần kinh vai dưới

C.Thần kinh nách và thần kinh cơ bì

D.Thần kinh trên vai và thần kinh lưng vai

83.Tổn thương thần kinh quay đến đến tình trạng:

A. Bàn tay hình móng vuốt

B.Bàn tay rơi

C.Bàn tay khỉ

D.Hội chứng ống cổ tay

84.Tổn thương thần kinh trụ gây liệt các nhóm cơ nào sau đây:

A.Các cơ gian cốt gan tay và cơ khép ngón cái

B,Cơ giun 1 và 2

C.Cơ dạng ngắn ngón cái và cơ đối chiếu ngón cái

D.Cơ đối chiếu ngón cái và cơ giun 1

85. Một bệnh nhân bi tổn thương hoàn toàn thần kinh quay sẽ có các triệu chứng:

A.Mất duỗi cổ tay dẫn đến bàn tay rơi

B.Cử động sấp cẳng tay yếu đi

C.Không thể đối chiếu được ngón cái

D.Không thể dạng được các ngón tay dài( 2-5)

86.Một bệnh nhân không thể khép được vai có thể do bị liệt cơ:

A.Cơ tròn nhỏ

B.Cơ trên gai

C. Cơ lưng rộng

D.Cơ dưới vai

87. Gãy cổ xương đùi ở người lớn dễ dẫn đến hoại tử vô khuẩn chỏm xương đùi do thiếu sự cấp máu từ :

A.Các động mạch bịt và mông dưới

B.Các động mach mông trên và đùi

C.Các động mạch mũ đùi ngoài và trong

D.Các động mạch mông dưới và trên

88.Đứt dây chằng chỏm-đùi khớp háng sẽ làm tổn thương một nhánh của động mạch:

A.Mũ đùi trong

B.Mũ đùi ngoài

C. Bịt

D.Mông trên

89.Thần kinh chi phối cho cơ căng mạc đùi là:

A.Thần kinh đùi

B.Thần kinh bịt

C.Thần kinh thẹn

D. Thần kinh mông trên

90. Thần kinh chi phối cho cơ thon là:

A.Thần kinh đùi

B.Thần kinh bịt

C.Thần kinh thẹn

D. Thần kinh mông trên

91.Thần kinh đi tới vùng mông qua khuyết ngồi lớn và đi khỏi vùng mông qua khuyết ngồi bé là:

A.Thần kinh đùi

B.Thần kinh bịt

C.Thần kinh thẹn

D. Thần kinh mông trên

92.Thần kinh mác chung bị đứt ở hố khoeo, thần kinh chày còn nguyên vẹn , bàn chân sẽ có dấu hiệu:

A.Gấp gan chân và nghiêng trong

B.Gấp mu chân và nghiêng ngoài

C.Gấp mu chân và nghiêng trong

D.Gấp gan chân và nghiêng ngoài

93.Một bệnh nhân không thể nghiêng bàn chân vào trong là biểu hiện tổn thương của:

A. Thần kinh mác nông và sâu

B. Thần kinh mác sâu và chày

C.Thần kinh mác nông và chày

D. Thần kinh đùi và chày

94. Một bệnh nhân bị mất cảm giác bờ ngoài ngón chân cái, bờ trong ngón chân 2 và không thể gấp bàn chân về phía mu chân, là dấu hiệu của tổn thương thần kinh:

A. Thần kinh mác nông

B. Thần kinh mác sâu

C.Thần kinh chày

D. Thần kinh gan chân trong

95.Tổn thương thần kinh đùi dẫn đến:

A. Liệt cơ thắt lưng lớn

B.Liệt cơ căng mạc đùi

C.Liệt cơ may

D.Liệt cơ thon

96.Liệt thần kinh mác sâu gây ảnh hương trầm trọng đến cử động:

A.Gấp gan chân

B.Gấp mu chân

C.Khép các ngón chân

D.Dạng các ngón chân

97.Cấu truc nào được tạo nên bởi phần kéo dài của mạc ngang và mạc chậu vào đùi:

A.Bao đùi

B.Mạc đùi

C.Dải chậu-chày

D.Cơ căng mạc đùi

98.Dây chằng nào trong các dây chằng sau quan trọng trong việc ngăn cản sự trượt ra trước của xương đùi trên xương chày khi gối đang chịu áp lực ở tư thế gấp:

A.Dây chằng chêm –đùi trước

B.Dây chằng bên mác

C.Dây chằng chéo sau

D. Dây chằng chéo trước

99.Mất khả năng duỗi cẳng chân tại khớp gối là do dấu hiệu của liệt:

A. Cơ bán gân

B.Cơ may

C. Cơ tứ đầu đùi

D.Cơ nhị đầu đùi

100.Phần dầy lên ở mặt trong bao khớp cổ chân là:

A.Dây chằng mác –gót

B.Dây chằng gan chân dài

C.Dây chằng gót- thuyền

D.Dây chằng delta

Đáp án

1.B 2.D 3.A 4.D 5.C 6.A 7.C 8.B 9.A 10.A 11.A 12.A 13.C 14.B 15.B 16.D 17.C 18.B 19.D 20.D

21.C 22.B 23.A 24.C 25.B 26.B 27.C 28.C 29.B 30.A

31.A 32.A 33.A 34.B 35.C 36.A 37.D 38.C 39.D 40.D

41.C 42.C 43.B 44.B 45.A 46A 47.A 48.C 49C 50.C

51.A 52.C 53.B 54.B 55.D 56.C 57.A 58.B 59.A 60.A

61.D 62.A 63.C 64.C 65.A 66.D 67.C 68.A 69.A 70.C

71.D 72.B 73.D 74.B 75.C 76.B 77.C 78.C 79.A 80.C

81.C 82.A 83.B 84.A 85.A 86.C 87.C 88.C 89.D 90.B

91.C 92.A 93.B 94.B 95.C 96.B 97.A 98.C 99.C 100.D